

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 10/2025/TT-BGDĐT NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 5, một số điểm của khoản 10 Điều 18; bổ sung khoản 18 Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 18 như sau:

“d) Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu” tại Điều 3 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT;

Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 6 và điểm đ, e khoản 1 Điều 10; cụm từ “Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nội dung phối hợp quản lý” bằng cụm từ “Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung quản lý” tại khoản 2 Điều 6; cụm từ “dân tộc nội trú cấp huyện” bằng cụm từ “dân tộc nội trú” tại điểm đ, e khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT;

đ) Bỏ cụm từ “Trường phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Điều 3 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 10 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c khoản 10 Điều 18 như sau:

“a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT như sau:

“1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT như sau:

“4. Hội đồng gửi biên bản và danh sách được đề nghị công nhận tốt nghiệp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT như sau:

“5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của cơ sở giáo dục.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 (trên điểm e) và điểm e khoản 10 Điều 18 như sau:

“e) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 7 Điều 14 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT như sau:

“2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của cơ sở giáo dục.”

“7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp sau khi có quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 10 Điều 18 như sau:

“g) Thay thế cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi cơ sở giáo dục trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt” bằng cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt” tại điểm b khoản 2 Điều 7”.

d) Bổ sung điểm i sau điểm h khoản 10 Điều 18 như sau:

“i) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 3 Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT.”

3. Bổ sung khoản 18 Điều 18 như sau:

“18. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Ghi chú số 3 của Mặt sau Mẫu Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông - Phụ lục II như sau: “(3) Căn cứ Giấy khai sinh, ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận”;

b) Bỏ cụm từ “Huyện (Quận/Thị xã/TP thuộc tỉnh)” tại Mặt sau Mẫu Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông - Phụ lục II;

c) Bỏ các cụm từ: “Huyện/ quận/ thị xã” và “Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh)” tại Mẫu số theo dõi và đánh giá người học - Phụ lục III, Phụ lục IV;

d) Bỏ các cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”, “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” và “Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” tại Điều 14, Điều 15 và Điều 18.”

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 11/2025/TT-BGDĐT NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 2. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8

“Điều 8a. Sửa đổi, bổ sung nội dung 3 của Chủ đề 1 trong bảng tại khoản 2 mục II Phần thứ hai của Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2024/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**“PHẦN THỨ HAI. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỤ THỂ THEO CÁC LĨNH VỰC
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Chủ đề/ nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
CHỦ ĐỀ 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT		
3. Bộ máy chính quyền nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	“- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của bộ máy chính quyền nhà nước ở địa phương gồm: cấp tỉnh và cấp xã. - Trình bày được phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền đối với chính quyền địa phương cấp xã. - Phân biệt được sự khác nhau giữa nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trình bày được mối liên hệ giữa công dân với Ủy ban nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. - Tôn trọng, ủng hộ, giúp đỡ cán bộ Ủy ban nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong công tác.”	

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 5, 6, 7, 8 Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản của Thông tư số 10/2022/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá học viên học chương trình xóa mù chữ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Sở Giáo

dục và Đào tạo” tại khoản 2 Điều 14, khoản 1 Điều 15;

b) Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại tên điều và khoản 3 Điều 14.”

2. Bổ sung khoản 5, 6, 7, 8 Điều 9 như sau:

“5. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2 Điều 26 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, khoản 3 Điều 15 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và khoản 3 Điều 15 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.

7. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (sau đây gọi là Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT) như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng giáo dục và đào tạo quận, huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 8; cụm từ “Phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” và cụm từ “ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Điều 13 Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 11 Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT;

8. Bãi bỏ khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 20 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, công nhận “đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh.”

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 12/2025/TT-BGDĐT NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; bổ sung khoản 1a, 1b sau khoản 1 Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Thay thế cụm từ “phòng Giáo dục và Đào tạo, sở Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “cơ quan có thẩm quyền” tại điểm b khoản 3 Điều 5; các cụm từ: “Ủy ban nhân dân cấp huyện”, “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.”

2. Bổ sung khoản 1a, 1b sau khoản 1 Điều 11 như sau:

“1a. Thay thế một số cụm từ tại khoản 1 Mục IV của Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trường chuyên biệt tỉnh hưởng như trường hạng I” bằng cụm từ “Trường chuyên biệt tỉnh hưởng như trường hạng I, trừ các trường quy định tại cột ghi chú của số thứ tự 6 trong bảng này” ở cột ghi chú của số thứ tự 5 trong bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục;

b) Thay thế cụm từ “Trường chuyên biệt huyện hưởng như trường hạng I” bằng cụm từ “Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở hưởng như trường hạng I” ở cột ghi chú của số thứ tự 6 trong bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục.

1b. Thay thế cụm từ “phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.”

Điều 5. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5

“Điều 5a. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục I như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là Trung tâm giáo dục thường xuyên).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Mục I như sau:

“c) Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên mới thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định xếp hạng trong quyết định thành lập.”

3. Thay thế cụm từ “trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục thường xuyên” tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Mục II và điểm a khoản 2 Mục III.

4. Thay thế cụm từ “trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Mục II và điểm a khoản 2 Mục III.”

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 13/2025/TT-BGDĐT NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH GIÁO DỤC

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT.”

Điều 7. Bổ sung Điều 17a sau Điều 17

“Điều 17a. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo:

a) Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh, Bộ GDĐT.

b) Quy trình thực hiện báo cáo:

UBND cấp tỉnh chủ trì tổ chức thu thập và tổng hợp dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh thông qua Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, cụ thể:

- Cấp xã thực hiện nhập dữ liệu thu thập được từ các Phiếu điều tra thông tin lên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và báo cáo dữ liệu đầy đủ của xã lên cấp tỉnh qua Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

- Cấp tỉnh tổng hợp, kiểm tra dữ liệu do cấp xã báo cáo trên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; hoàn thiện dữ liệu đầy đủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh và báo cáo Bộ GDĐT qua Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Quy trình và cách thức nhập dữ liệu của cấp xã, sử dụng hệ thống của cấp tỉnh thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng cung cấp trên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 8 như sau:

“6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Trường hợp báo cáo giấy:

- UBND cấp xã gửi báo cáo đến UBND cấp tỉnh trước ngày 03 tháng 10 hằng năm.

- UBND cấp tỉnh gửi báo cáo đến Bộ GDĐT vào trước ngày 10 tháng 10 hằng năm.

b) Trường hợp báo cáo qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ GDĐT:

- UBND cấp xã hoàn thành việc nhập dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vào trước ngày 03 tháng 10 hằng năm.

- UBND cấp tỉnh hoàn thành việc nhập dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vào trước ngày 10 tháng 10 hằng năm.”

3. Thay thế cụm từ “Phòng GDĐT” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 9; điểm a khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 10; điểm a khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 12; điểm a khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 13; điểm a khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 21 và Phụ lục I.

4. Bỏ các cụm từ: “Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện)” và “Phòng giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung

ương (sau đây gọi chung là Phòng GDĐT)” tại điểm a khoản 1 Điều 5; cụm từ “UBND cấp huyện” tại Phụ lục I; cụm từ “Tổng số cán bộ công chức và nhân viên của Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện/TP/TX” tại Mẫu số 05 Phụ lục II; từ “huyện” tại phần Ghi chú “- Cột số 3” của Biểu số I.17a/BGDĐT/HTQT Phụ lục II.”

Điều 8. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 Điều 18

“7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ tại khoản 2 Điều 5 Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT (sau đây gọi là Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT) và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Chứng minh thư/số Căn cước” sau phần khai “Họ và tên thí sinh” trong Đơn đăng ký xét tuyển/tuyển thẳng vào dự bị đại học tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT;

b) Bỏ các cụm từ “Bản sao Giấy khai sinh”, “Bản xác nhận thường trú của thí sinh và cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ” tại khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT.

8. Bỏ cụm từ: “Trường phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành mẫu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và mẫu bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.”

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

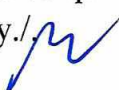
Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, trường hợp quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

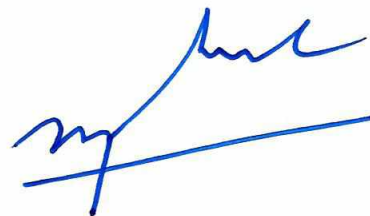
Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ TP);
- UBND, Sở GDĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo CP; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT, Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu VT, PC (03 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc